

Số: 433./QĐ-ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày 23 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018, sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 699/TB-BTC, ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tài chính kế toán và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban giám hiệu, CTHĐT;
- Website;
- Lưu: VT, TCKT.


HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

Phụ lục
QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số **A33** /QĐ-ĐHTCQTKD, ngày **23** / **8** /2024 của
Trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	26,8	26,8	-	
I	Số thu phí, lệ phí	26,8	26,8	-	
	Lệ phí tuyển sinh	26,8	26,8	-	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	26,8	26,8	-	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	26,8	26,8	-	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	26,8	26,8	-	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
2	Chi quản lý hành chính			-	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			-	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			-	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	
	Lệ phí tuyển sinh			-	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	14.208,8	14.196,0	(12,8)	
I	Nguồn ngân sách trong nước	14.208,8	14.196,0	(12,8)	
1	Chi quản lý hành chính	199,4	186,6	(12,8)	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			-	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	199,4	186,6	(12,8)	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	1.015,0	1.015,0	-	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.015,0	1.015,0	-	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			-	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			-	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	1.015,0	1.015,0	-	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			-	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12.994,4	12.994,4	-	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.712,0	12.712,0	-	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	282,4	282,4	-	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			-	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
5	Chi bảo đảm xã hội			-	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
6	Chi hoạt động kinh tế			-	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			-	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			-	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			-	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			-	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
II	Nguồn vốn viện trợ			-	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			-	